

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)

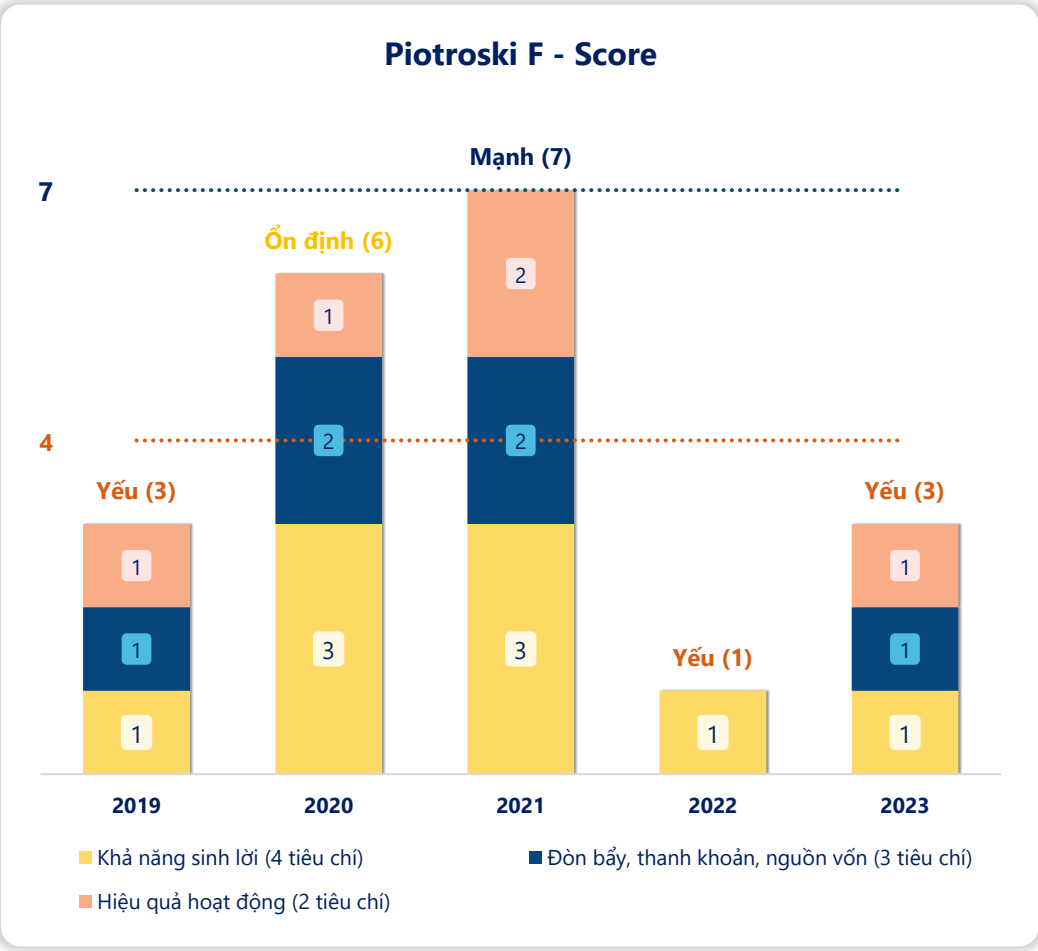
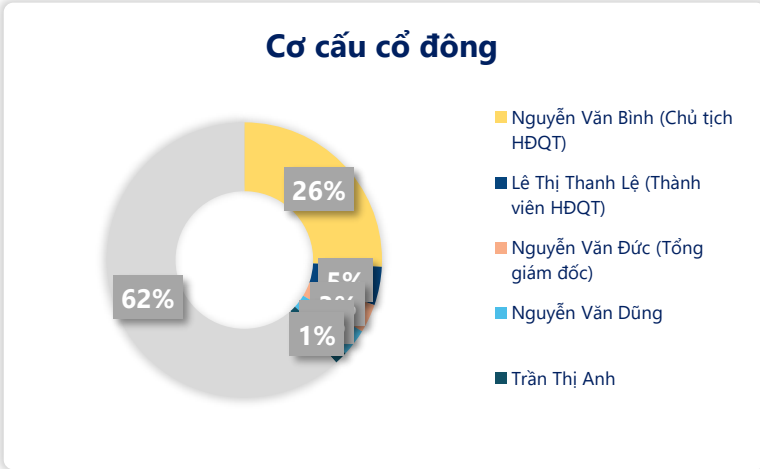
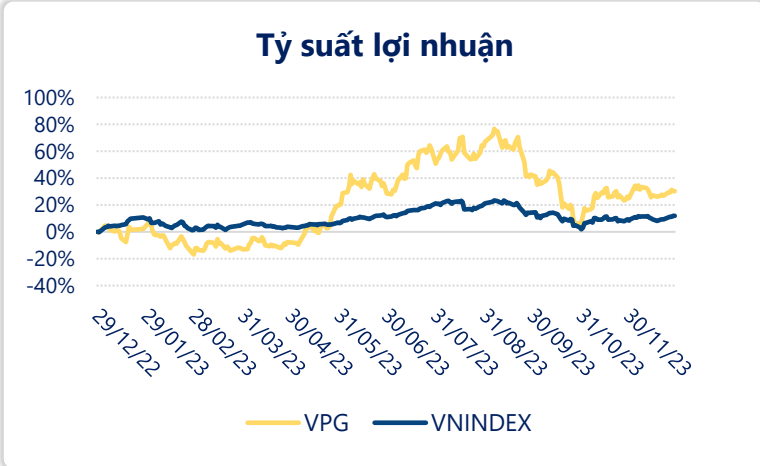
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	16,900 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.9%	-4.0%	-2.9%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
2023	(Yếu)

DT thuần	2023
6,338	YoY
tỷ VNĐ	▲ 813
	▲ 14.7%

LN sau thuế	2023
19.4	YoY
tỷ VNĐ	▼ 43.1
	▼ 69.0%

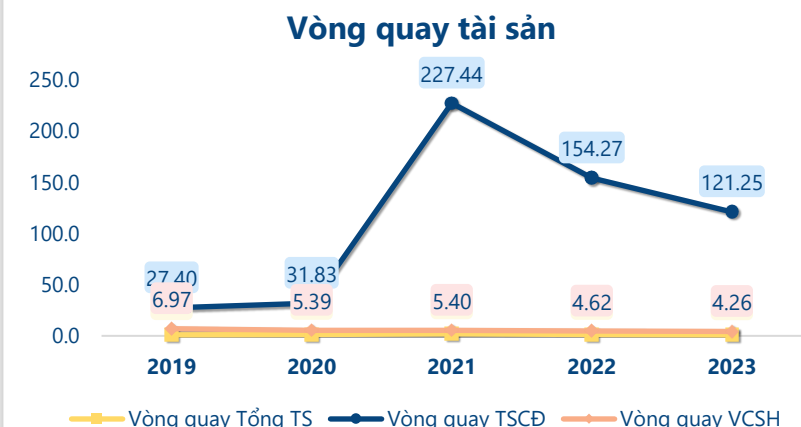
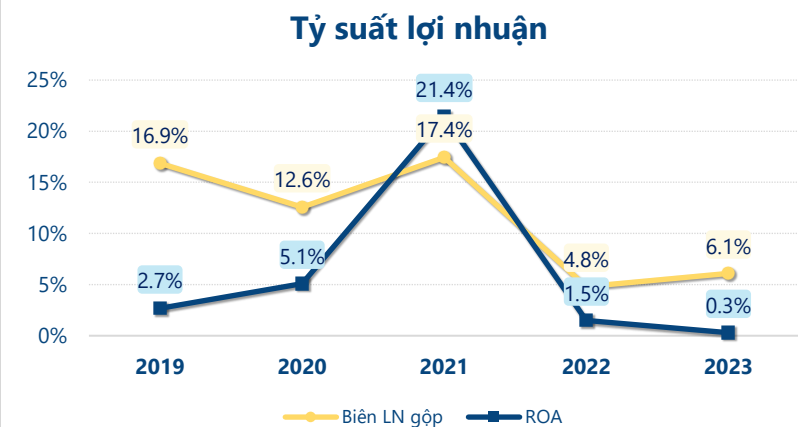
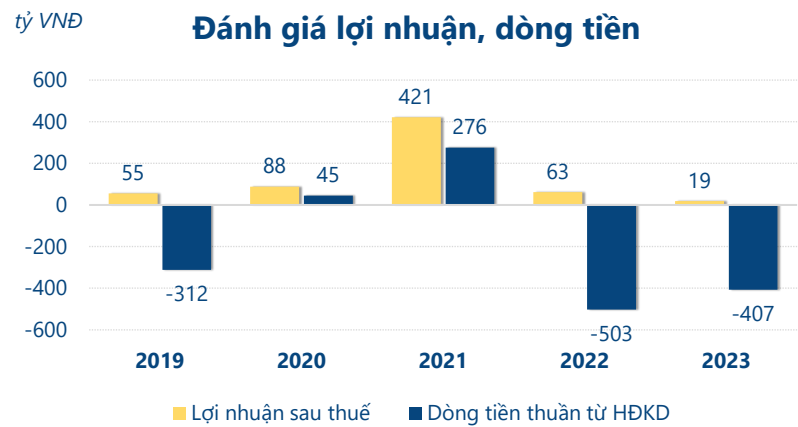


Năm **2023**, F-Score của **VPG** đạt **3/9** cao hơn năm trước nhưng sức khỏe tài chính chưa được cải thiện nhiều vẫn đánh giá ở mức "**Yếu**".

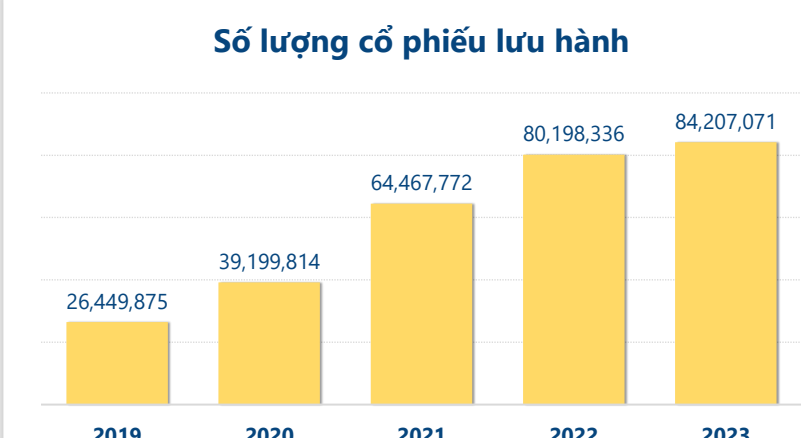
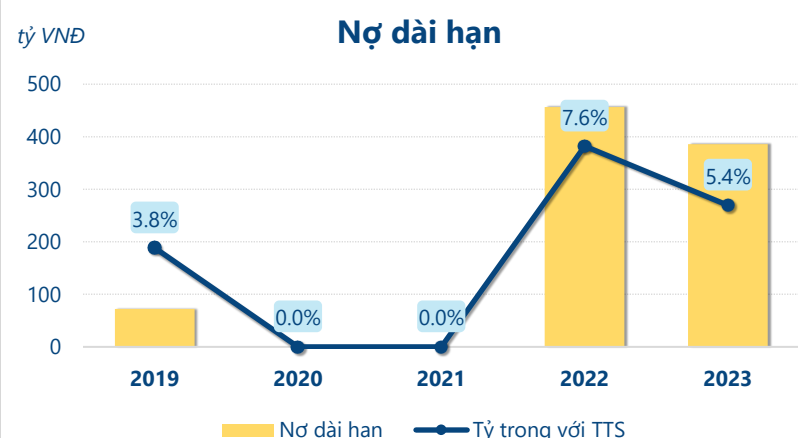
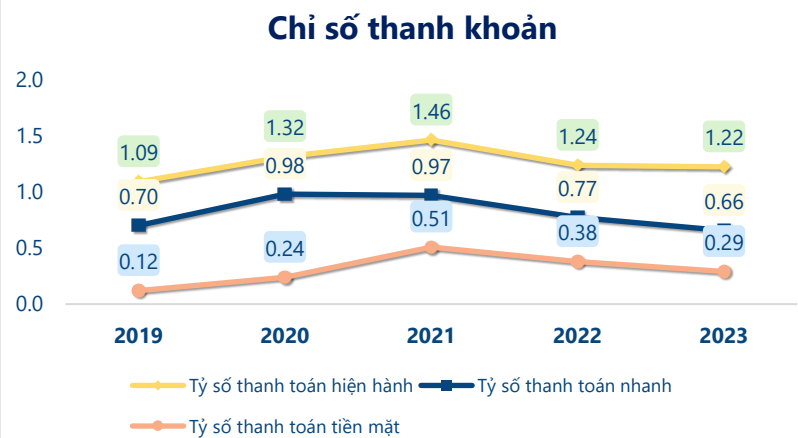
Trong đó, khả năng sinh lời **không đổi** đạt **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm **1/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, đạt **1/2** điểm cải thiện tốt hơn so với năm trước.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát (HSX: VPG)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **VPG**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	7,155	5,977	19.7%
Tài sản ngắn hạn	6,461	5,003	29.2%
Tiền và tương đương tiền	1,532	1,529	0.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,874	1,510	24.1%
Hàng tồn kho	2,994	1,880	59.3%
Tài sản ngắn hạn khác	60.4	83.9	-28.0%
Tài sản dài hạn	694	975	-28.8%
Phải thu dài hạn	0.61	300	-99.8%
Tài sản cố định	51.6	53.0	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	482	462	4.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	158	158	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.84	1.36	35.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,662	4,497	25.9%
Nợ ngắn hạn	5,179	4,040	28.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,623	1,224	32.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	347	499	-30.5%
Nợ dài hạn	483	457	5.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	483	457	5.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,493	1,481	0.8%
Vốn chủ sở hữu	1,493	1,481	0.8%
Vốn điều lệ	842	802	5.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,299	2,331	3,864	5,525	6,338
Giá vốn hàng bán	1,911	2,038	3,190	5,259	5,951
Lợi nhuận gộp	388	293	674	265	386
Doanh thu HĐTC	25.9	22.8	25.0	79.1	72.7
Chi phí TC	40.5	59.9	50.8	149	251
Chi phí lãi vay	35.2	23.6	34.9	54.1	114
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	274	89.1	114	85.7	106
Chi phí QLDN	26.6	23.0	27.3	76.9	71.6
LN thuần từ HĐKD	72.1	144	507	33.1	30.2
Lợi nhuận khác	-1.84	-31.6	20.4	47.6	-3.01
LN trước thuế	70.3	112	528	80.7	27.2
Lợi nhuận sau thuế	55.1	88.3	421	62.5	19.4
LNST của CĐ cty mẹ	55.1	88.3	421	62.5	19.5

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-312	45.0	276	-503	-407
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	494	131	-19.7	-424	13.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-209	-109	246	1,701	397
Tiền đầu kỳ	206	179	246	748	1,529
Lưu chuyển tiền thuần	-26.7	67.1	502	775	3.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	5.88	-0.32
Tiền cuối kỳ	179	246	748	1,529	1,532